

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản số: 06/2020/HNGS-ST

Ngày 16-3-2020

V/v "**Tranh chấp**

hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân*

**Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Nguyễn Văn Kiểm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 269/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/8/2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985 (có mặt)*

Nơi cư trú: Xóm 4, thôn Hòa Tiến, xã Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

** Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Lam Sơn, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn ngày 28/7/2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Văn T kết hôn ngày 21/3/2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lam Cốt, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn, chị và anh T về chung sống với nhau. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2009 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, anh T đi làm nhưng không mang tiền về để chăm lo cho gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tháng 6/2009, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã cùng con bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Hòa Tiến, xã Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa sinh sống. Anh T không có lần nào đón gọi chị và con về đoàn tụ. Vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Văn Thắng, sinh ngày 10/5/2009, hiện con chung đang ở với chị. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị làm nghề tự do thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung với anh T. Tài sản chung: Chị xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh Lê Văn T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh T đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh T về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai và những tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng anh T không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Lê Văn T vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị H chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh T không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Giao cho chị H nuôi dưỡng con chung là Lê Văn Thắng, sinh ngày 10/5/2009. Vấn đề cấp dưỡng chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị H và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Bùi Thị H Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị H và anh T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lam Cốt, huyện Tân Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh T có một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị H, chị xác định hai vợ chồng ly thân nhau từ tháng 6/2009 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh T, thông báo hòa giải anh T cũng không đến để Tòa án hòa giải và không có ý kiến gì để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định năm 2009 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Hiệp Hòa sinh sống từ đó cho đến nay không về ở với anh T nữa. Tại phiên tòa hôm nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh T. Xét mâu thuẫn giữa chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Văn Thắng, sinh ngày 10/5/2009. Hiện nay cháu Thắng đang ở với chị H. Ly hôn chị nhận tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị làm nghề tự do thu nhập trung bình khoảng 5.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con, tại bản tự khai của cháu Thắng cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, cháu ở với mẹ được học hành và phát triển bình thường. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng con chung của chị H và giao cháu Thắng cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Thắng. Sau khi ly hôn, anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Lê Văn Thắng, sinh ngày 10/5/2009. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Sau khi ly hôn, anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0005900 ngày 09/8/2019 của Chi cục T hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Bùi Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Lam Cốt;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân